

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh.
2. Ông Nguyễn Xuân Chuyển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 18/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXX-ST ngày 28/12/2018 Và quyết định tạm ngừng số 04/2019/ QĐ-ST ngày 18/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn A - sinh năm 1983 (vắng mặt)

Sinh quán: Tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện tại: A - B - Cộng hòa liên bang Đức.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A là: Anh Nguyễn Văn UQ, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị BD - sinh năm 1982.(vắng mặt)

Nơi sinh: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Cộng hòa liên bang Đức

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị BD là: Anh Nguyễn Văn UQ2, sinh năm 1983. (vắng mặt).

Địa chỉ: F, G, thành phố I, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 29/10/2018 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị BĐ kết hôn ngày 02/9/2010. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, do bất đồng về quan điểm sống và do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2016 cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị BĐ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu M, sinh ngày 25/12/2009. Hiện nay cháu Lưu M đang ở với chị BĐ. Ly hôn anh đồng ý đề chị BĐ nuôi cháu Lưu M, vấn đề cấp dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh đang làm việc và sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức nên anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị BĐ. Anh cũng ủy quyền cho anh Nguyễn Văn UQ, sinh năm 1977, Trú tại: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Tại đơn đồng ý nhận ủy quyền đề ngày 11/12/2018 anh Nguyễn Văn UQ, sinh năm 1977, Trú tại: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau: Anh đồng ý nhận ủy quyền của anh Nguyễn Văn A và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh A biết các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh trong vụ án Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa anh và chị BĐ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị BĐ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn A kết hôn ngày 02/9/2010. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở Cộng hòa liên bang Đức. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9/2016 thì giữa chị và anh A phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2016 cho đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh

A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu M, sinh ngày 25/12/2009. Hiện nay cháu Lưu M đang ở với chị. Ly hôn chị đồng ý nuôi cháu Lưu M, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nên chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn A và chị. Chị cũng ủy quyền cho anh Nguyễn Văn UQ2, sinh năm 1983, Trú Tại: F, G, thành phố I, tỉnh Bắc Ninh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

Tại đơn trình bày đề ngày 24/01/2019 cháu Lưu M trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn A và mẹ Nguyễn Thị BĐ. Hiện cháu đang sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị BĐ.

Tại phiên tòa anh A và chị BĐ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị BĐ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh A chị BĐ.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn A sinh sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị BĐ, chị BĐ cũng sinh sống làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức nhưng chị có địa chỉ tại Việt Nam: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị BĐ kết hôn ngày 02/9/2010. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan đại diện Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì anh A và chị BĐ sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2016 giữa anh A và chị BĐ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không hiểu và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2016 cho đến nay. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh A xin ly hôn chị BĐ, chị BĐ cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị BĐ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh A và chị BĐ được ly hôn.

[4] Về con chung: Anh A và chị BĐ có 01 con chung là cháu Lưu M, sinh ngày 25/12/2009. Hiện nay cháu Lưu M đang ở với chị BĐ. Ly hôn anh A, chị BĐ đều đồng ý để chị BĐ nuôi cháu Lưu M, cháu Lưu M cũng có nguyện vọng được ở với chị BĐ. Anh A chị BĐ không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị BĐ trực tiếp nuôi con chung, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này

[5] Về tài sản, công nợ: Anh A chị BĐ đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh A đã nộp đủ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị BĐ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị BĐ nuôi dưỡng con chung là cháu Lưu M, sinh ngày 25/12/2009. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Anh A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000115 ngày 11/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh A đã nộp đủ.

4. Anh Nguyễn Văn A, chị Nguyễn Thị BĐ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Nhiên